

Số: 50 /2008/TTLT- BGDDĐT- BNV-BTC

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2008

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẾN TRÈ	
ĐẾN	Số: 2239.....
	Ngày: 09/10/08.....
Chuyển:.....	

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Thực hiện ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 1093/VPCP-VX ngày 22 tháng 02 năm 2008 về việc ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập;

Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

a) Nhà giáo (kể cả những người trong thời gian thử việc, hợp đồng) thuộc biên chế trả lương, đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các trường, trung tâm, học viện thuộc cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (sau đây gọi tắt là cơ sở giáo dục công lập) được nhà nước cấp kinh phí hoạt động (bao gồm nguồn thu từ ngân sách nhà nước cấp và các nguồn thu sự nghiệp theo quy định của pháp luật);

b) Nhà giáo (kể cả những người trong thời gian thử việc, hợp đồng) thuộc biên chế trả lương của các cơ sở giáo dục công lập làm nhiệm vụ tổng phụ trách đội, hướng dẫn thực hành tại các xưởng trường, trạm, trại, phòng thí nghiệm;

c) Cán bộ quản lý thuộc biên chế trả lương của các cơ sở giáo dục công lập, trực tiếp giảng dạy đủ số giờ theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Điều kiện áp dụng

Đối tượng quy định tại khoản 1 mục này được hưởng tiền lương dạy thêm giờ phải đảm bảo đủ các điều kiện sau:

a) Đã được xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang vào các ngạch viên chức ngành giáo dục và đào tạo (các ngạch có hai chữ số đầu của mã số ngạch là 15). Riêng đối tượng quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 mục này không nhất thiết phải xếp vào các ngạch viên chức thuộc ngành giáo dục và đào tạo;

b) Phải hoàn thành đủ số giờ tiêu chuẩn và các nhiệm vụ công tác khác theo chế độ làm việc của nhà giáo quy định tại các văn bản sau:

- Thông tư liên tịch số 71/2007/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

- Thông tư số 49/TT ngày 29 tháng 11 năm 1979 của Bộ Giáo dục (nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo) quy định chế độ công tác giáo viên trường phổ thông và Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23 tháng 8 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

- Quyết định số 18/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chế độ công tác giáo viên giảng dạy trung cấp chuyên nghiệp;

- Thông tư số 02/2002/TT-BLĐTBXH ngày 04 tháng 01 năm 2002 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn chế độ làm việc của giáo viên trường dạy nghề;

- Quyết định số 1712/QĐ-BĐH ngày 18 tháng 12 năm 1978 của Bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp (nay là Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) quy định chế độ làm việc của cán bộ giảng dạy đại học.

Khi các văn bản nêu trên được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các quy định đã sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

II. CĂN CỨ, NGUYÊN TẮC, CÁCH TÍNH VÀ NGUỒN KINH PHÍ

1. Căn cứ và nguyên tắc

a) Căn cứ

- Tiền lương của một tháng làm căn cứ tính trả tiền lương dạy thêm giờ của nhà giáo bao gồm mức lương theo ngạch, bậc hiện hưởng, các khoản phụ cấp lương và hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có);

- Số giờ tiêu chuẩn làm cơ sở tính trả tiền lương dạy thêm giờ được căn cứ vào chế độ làm việc của nhà giáo theo các văn bản nêu tại điểm b khoản 2 mục I Thông tư này.

Thời gian không trực tiếp tham gia giảng dạy nhưng được tính hoàn thành đủ số giờ giảng dạy gồm: thời gian nghỉ ốm, thai sản theo quy định tại Luật Bảo hiểm xã hội.

- Đối với nhà giáo công tác ở các cơ sở giáo dục có nhiều cấp học, thì số giờ tiêu chuẩn được tính theo số giờ tiêu chuẩn quy định cho cấp học cao nhất mà nhà giáo đó trực tiếp tham gia giảng dạy theo sự phân công của thủ trưởng cơ sở giáo dục.

b) Nguyên tắc

- Đối với cơ sở giáo dục mầm non thì tiền lương dạy thêm giờ được tính trả theo tháng;

- Đối với cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thì tùy theo điều kiện cụ thể của từng đơn vị để thực hiện tạm ứng tiền lương dạy thêm giờ theo tháng hoặc theo học kỳ cho phù hợp và quyết toán vào cuối năm tài chính;

- Chỉ thanh toán tiền lương dạy thêm giờ ở đơn vị, bộ môn thiếu nhà giáo theo định mức biên chế. Đơn vị, bộ môn không thiếu nhà giáo theo định mức biên chế thì chỉ được thanh toán tiền lương dạy thêm giờ khi có nhà giáo nghỉ ốm, thai sản theo quy định phải bố trí nhà giáo khác dạy thay;

- Số giờ dạy thêm được tính trả tiền lương dạy thêm giờ theo quy định tại Thông tư này không quá 200 giờ tiêu chuẩn/năm.

2. Cách tính tiền lương dạy thêm giờ

a) Công thức chung

$$\text{Số giờ dạy thêm} = \frac{\text{Số giờ tiêu chuẩn thực hiện}}{\text{Số giờ tiêu chuẩn định mức}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Số giờ} \\ \text{tiêu chuẩn} \\ \text{thực hiện} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số giờ thực tế} \\ \text{giảng dạy được quy} \\ \text{đổi theo giờ tiêu chuẩn} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số giờ thực hiện} \\ \text{các công việc} \\ \text{khác được quy} \\ \text{đổi theo giờ tiêu} \\ \text{chuẩn (nếu có)} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Tiền lương} \\ \text{dạy thêm giờ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số giờ} \\ \text{dạy thêm} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tiền lương} \\ \text{dạy thêm 1 giờ} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Tiền lương} \\ \text{dạy thêm 1 giờ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tiền lương} \\ \text{1 giờ dạy} \end{array} \times 150\%$$

b) Công thức tính cho từng cấp học

- Đối với cơ sở giáo dục mầm non:

$$\begin{array}{l} \text{Tiền lương} \\ \text{1 giờ dạy} \end{array} = \frac{\text{Tiền lương của 1 tháng}}{22 (\text{ngày làm việc}) \times 8 (\text{giờ})}$$

- Đối với các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên:

$$\begin{array}{l} \text{Tiền lương} \\ \text{1 giờ dạy} \end{array} = \frac{\text{Tổng tiền lương của 12 tháng trong năm tài chính}}{\text{Số giờ tiêu chuẩn trong tuần} \times 52 (\text{tuần})/\text{năm}}$$

- Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

Căn cứ Thông tư số 02/2002/TT-BLĐTBXH ngày 04 tháng 01 năm 2002 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn chế độ làm việc của giáo viên trường dạy nghề và Quyết định số 18/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chế độ công tác giáo viên giảng dạy trung cấp chuyên nghiệp thì thời gian làm việc của giáo viên giảng dạy tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp là 44 tuần/năm, từ đó có công thức tính tiền lương một giờ dạy là:

$$\begin{array}{l} \text{Tiền lương} \\ \text{1 giờ dạy} \end{array} = \frac{\text{Tổng tiền lương của 12 tháng} \\ \text{trong năm tài chính}}{\text{Số giờ tiêu chuẩn trong năm}} \times \frac{44 \text{ tuần}}{52 \text{ tuần}}$$

- Đối với các cơ sở giáo dục đại học:

Căn cứ Quyết định số 1712/QĐ-BĐH ngày 18/12/1978 của Bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp (nay là Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) thì thời gian làm việc của cán bộ giảng dạy đại học là 46 tuần/năm, từ đó có công thức tính tiền lương một giờ dạy là:

$$\text{Tiền lương 1 giờ dạy} = \frac{\text{Tổng tiền lương của 12 tháng trong năm tài chính}}{\text{Số giờ tiêu chuẩn trong năm}} \times \frac{46 \text{ tuần}}{52 \text{ tuần}}$$

3. Đối với các đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 mục I Thông tư này việc trả lương làm thêm giờ (bao gồm cả tiền lương dạy thêm giờ) thực hiện theo Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

4. Nguồn kinh phí

a) Các cơ sở giáo dục công lập được ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên, nguồn kinh phí chi trả tiền lương dạy thêm giờ do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp hiện hành, trong dự toán chi ngân sách được giao hàng năm;

b) Các cơ sở giáo dục công lập đã được giao tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính, nguồn kinh phí chi trả tiền lương dạy thêm giờ từ các nguồn thu hợp pháp của cơ sở giáo dục công lập đó và trong phạm vi nguồn kinh phí được giao tự chủ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Thủ trưởng các cơ sở giáo dục công lập căn cứ vào hướng dẫn của Thông tư này và các văn bản khác, bố trí nhà giáo giảng dạy bảo đảm đủ định mức theo quy định, hạn chế việc bố trí nhà giáo dạy thêm giờ.

3. Các cơ sở giáo dục ngoài công lập được vận dụng Thông tư này để thanh toán lương dạy thêm giờ cho nhà giáo từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, các bộ, ngành, địa phương phản ánh về Bộ Giáo dục và Đào tạo để phối hợp với Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính nghiên cứu, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG**

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ NỘI VỤ
THỨ TRƯỞNG**

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THỨ TRƯỞNG**


Đỗ Hoàng Anh Tuấn


Nguyễn Duy Thăng


Phạm Vũ Luận

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở GDĐT, Sở NV, Sở TC, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Các trường, đơn vị trực thuộc Bộ;
- Website Bộ GDĐT;
- Lưu: Bộ GDĐT (VT, Vụ TCCB), Bộ NV (VT, Vụ TL), Bộ TC (VT, Vụ PC).